TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 -9-2022
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Võ Thị Điệp**

Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 242/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985

HKTT: Ấp L, xã H1, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Số 447, ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Ngô Minh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 17, khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị T và anh H có thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và tiến tới hôn nhân, chị T và anh H sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh ngày 19/8/2013. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống,

thường xuyên cự cãi, anh H thường hay ghen không lý do dẫn tới đánh đập chị T nhiều lần. Gia đình hai bên có khuyên ngăn anh H nhưng vẫn không thay đổi.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Minh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Hoàng Ngân K sinh ngày 10/01/2014 và Ngô Hoàng Ngân A1, sinh ngày 26/5/2016, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn là anh Ngô Minh H đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Văn bản ghi ý kiến con chung Ngô Hoàng Ngân K, có nội dung: cháu K có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

- Giấy Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu Ngô Minh H, Nguyễn Thị Thanh T (Bản sao y chứng thực);

- Trích lục khai sinh Ngô Hoàng Ngân A1, sinh ngày 10/01/2014 (Bản sao);

- Giấy khai sinh Ngô Hoàng Ngân K, sinh ngày 10/01/2014 (Bản sao);

- Trích lục kết hôn Nguyễn Thị Thanh T – Ngô Minh H, ngày đăng ký 19/8/2013 tại UBND xã H1, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đơn xin cung cấp thông tin về việc thay đổi địa chỉ bị đơn (ngày 13/9/2022)

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 29/6/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn với anh Ngô Minh H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, con chung và tài sản chung" theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Bị đơn anh Ngô Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại nên Khoản 2 Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn với anh Ngô Minh H là có căn cứ, bởi lẽ: chị T và anh H sống chung với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh ngày 19/8/2013 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh H thường hay ghen và đánh chị T nhiều lần, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm lẫn nhau. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Ngô Hoàng Ngân K, sinh ngày 10/01/2014 và Ngô Hoàng Ngân A1, sinh ngày 26/5/2016 hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, đồng thời tại tại văn bản ý kiến của cháu K thì khi cha mẹ ly hôn cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị T, nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng: Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tuy nhiên không có yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T.

Anh Ngô Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[4]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009354 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Ngô Minh H.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Ngô Hoàng Ngân K, sinh ngày 10/01/2014 và Ngô Hoàng Ngân A1, sinh ngày 26/5/2016. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

Anh Ngô Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai số 0009354 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Kim Hoa